

Số: 04/TB-TTYT

Gò Quao, ngày 05 tháng 01 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Về việc mời chào giá mua sắm tài sản, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Thực hiện kế hoạch số 84/KH-TTYT ngày 12/12/2025 của Trung tâm Y tế Gò Quao về việc mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm đầu năm 2026;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học kỹ thuật ngày 26/12/2025 của Trung tâm Y tế Gò Quao về việc thông qua danh mục mua sắm, sửa chữa đầu năm 2026;

Trung tâm y tế Gò Quao kính mời các đơn vị tham gia báo giá để làm cơ sở tham khảo xây dựng giá dự toán cho gói thầu mua sắm, sửa chữa. Nội dung chào giá cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế Gò Quao, địa chỉ tại Ấp Phước Hưng I, xã Gò Quao, tỉnh An Giang.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Huỳnh Văn Nhân, điện thoại: 0933219969.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp (02 bản chính có đóng dấu) tại Phòng Tổ chức Hành chính, Trung tâm Y tế Gò Quao, địa chỉ tại Ấp Phước Hưng I, xã Gò Quao, tỉnh An Giang. hoặc qua chuyển phát nhanh (02 bản chính có đóng dấu).

- Đồng thời gửi file mềm excel và bản scan PDF theo địa chỉ email: hvnhan.gq@kiengiang.gov.vn.

4. Thời hạn nhận báo giá: **trước 17h00' ngày 12/01/2026.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 12/01/2026.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Theo danh mục đính kèm.

2. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục đính kèm thông báo này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các mặt hàng báo giá. *Shue*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Công ty báo giá;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

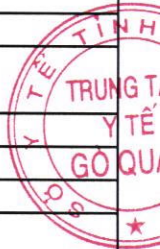


*Lê Quang Trung*

## PHỤ LỤC

**Kèm theo thông báo số 04/TB-TTYT ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Y tế Gò Quao**

| STT                                   | Tên mặt hàng                                                                                              | Thông số kỹ thuật (mô tả chi tiết thông số kỹ thuật sản phẩm) | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền | Hình ảnh |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|----------|------------|----------|
| <b>I. LINH KIỆN SỬA CHỮA</b>          |                                                                                                           |                                                               |         |          |            |          |
| 1                                     | Hộp kết nối mạng 10/100/1000Mbps 5port                                                                    |                                                               |         | 04       | -          |          |
| 2                                     | Hộp kết nối mạng 10/100/1000Mbps 8port                                                                    |                                                               |         | 03       | -          |          |
| 3                                     | Hộp kết nối mạng 10/100/1000Mbps 24 port                                                                  |                                                               |         | 01       | -          |          |
| 4                                     | Ổ đĩa cứng SSD/256GB                                                                                      |                                                               |         | 06       | -          |          |
| 5                                     | Ổ đĩa cứng HDD/500GB                                                                                      |                                                               |         | 03       | -          |          |
| 6                                     | Đĩa cứng laptop SSD/M2/512GB                                                                              |                                                               |         | 05       | -          |          |
| 7                                     | Chuột vi tính có dây/USB                                                                                  |                                                               |         | 40       | -          |          |
| 8                                     | Chuột không dây/USB                                                                                       |                                                               |         | 13       | -          |          |
| 9                                     | Bàn phím máy vi tính/USB                                                                                  |                                                               |         | 29       | -          |          |
| 10                                    | Drum hộp mực (trống in) 12A/85A                                                                           |                                                               |         | 56       | -          |          |
| 11                                    | Trục từ mực 12A/85A                                                                                       |                                                               |         | 54       | -          |          |
| 12                                    | Trục sọc mực 12A/85A                                                                                      |                                                               |         | 53       | -          |          |
| 13                                    | Gạc mực lớn/nhỏ 12A/85A                                                                                   |                                                               |         | 56       | -          |          |
| 14                                    | Bộ mạch chủ H110                                                                                          |                                                               |         | 07       | -          |          |
| 15                                    | Bộ mạch chủ H410                                                                                          |                                                               |         | 07       | -          |          |
| 16                                    | Bộ mạch chủ H81                                                                                           |                                                               |         | 08       | -          |          |
| 17                                    | Chip CPU G4400/G6400                                                                                      |                                                               |         | 05       | -          |          |
| 18                                    | Rulô ép máy in                                                                                            |                                                               |         | 08       | -          |          |
| 19                                    | Bao lụa máy in                                                                                            |                                                               |         | 10       | -          |          |
| 20                                    | Thanh ram DR3/8GB                                                                                         |                                                               |         | 11       | -          |          |
| 21                                    | Thanh ram DDR4/8GB                                                                                        |                                                               |         | 04       | -          |          |
| 22                                    | Nguồn máy tính vison 650W                                                                                 |                                                               |         | 12       | -          |          |
| 23                                    | Quạt tản nhiệt máy tính                                                                                   |                                                               |         | 08       | -          |          |
| 24                                    | Màn hình LCD HP/AOC/VSP/philip 19/20 inch                                                                 |                                                               |         | 11       | -          |          |
| 25                                    | Bộ chuyển đổi quang (Converter)                                                                           |                                                               |         | 04       | -          |          |
| <b>II. MUA SẴM THIẾT BỊ VĂN PHÒNG</b> |                                                                                                           |                                                               |         |          |            |          |
| 1                                     | Máy tính bàn DELL Main h110/ Cpu i5-7500/Ram 8gb/2400/SSD 256Gb M.2/LCD Dell 19.5 in/Keyboard, Mouse Dell |                                                               |         | 10       | -          |          |
| 2                                     | Asus Core3-N355/8G/256G/TPM/14.0FHD/WF6E/BT5/3C42WHr/W11H/2Y-OSS                                          |                                                               |         | 07       | -          |          |
| 3                                     | Máy in brother 2321D                                                                                      |                                                               |         | 12       | -          |          |



|                              |                                                    |  |  |      |   |  |
|------------------------------|----------------------------------------------------|--|--|------|---|--|
| 4                            | Máy in đa chức năng<br>HP Laser MFP 139FNW         |  |  | 01   | - |  |
| 5                            | Máy in Epson LQ310                                 |  |  | 01   | - |  |
| 6                            | Máy quét 2 mặt tốc độ<br>cao Canon DR-F120         |  |  | 03   | - |  |
| 7                            | Máy quét vân tay                                   |  |  | 06   | - |  |
| <b>III. MUA SÀM MÁY LẠNH</b> |                                                    |  |  |      |   |  |
| 1                            | Máy lạnh 1.5HP                                     |  |  | 08   | - |  |
| 2                            | Máy lạnh 2HP                                       |  |  | 01   | - |  |
| 3                            | Tủ lạnh 180 lít                                    |  |  | 02   | - |  |
| <b>IV. MỰC MÁY IN, PHOTO</b> |                                                    |  |  |      |   |  |
| 1                            | Mực nạp máy in<br>12A/85A                          |  |  | 383  | - |  |
| 2                            | Mực nạp máy in brother                             |  |  | 65   | - |  |
| 3                            | Mực máy in màu epson<br>chính hãng                 |  |  | 16   | - |  |
| 4                            | Mực nạp Photo Ricoh                                |  |  | 15   | - |  |
| 5                            | Băng mực máy in kim<br>LQ310                       |  |  | 15   | - |  |
| 6                            | Hộp mực máy in<br>Canon/HP/brother                 |  |  | 10   | - |  |
| 7                            | Hộp rum máy in brother<br>HL-B2080DW/HL-<br>L2321D |  |  | 05   | - |  |
| 8                            | Hộp từ máy in brother<br>HL-B2080DW                |  |  | 05   | - |  |
| <b>V. GIẤY IN</b>            |                                                    |  |  |      |   |  |
| 1                            | Giấy A4                                            |  |  | 1281 | - |  |
| 2                            | Giấy A5                                            |  |  | 246  | - |  |
| 3                            | Giấy 3 liên                                        |  |  | 07   | - |  |
| 4                            | Giấy A5 trắng dày                                  |  |  | 48   | - |  |
| 5                            | Giấy A4 xanh dày BA                                |  |  | 101  | - |  |
| 6                            | Giấy A4 xanh, vàng,<br>hồng                        |  |  | 108  | - |  |
| 7                            | Giấy bìa đóng cuốn                                 |  |  | 14   | - |  |
| <b>VI. VĂN PHÒNG PHẨM</b>    |                                                    |  |  |      |   |  |
| 1                            | Viết xanh                                          |  |  | 2326 | - |  |
| 2                            | Viết đôi để bàn                                    |  |  | 10   | - |  |
| 3                            | Viết đỏ                                            |  |  | 34   | - |  |
| 4                            | Viết đen                                           |  |  | 15   | - |  |
| 5                            | Viết chì                                           |  |  | 15   | - |  |
| 6                            | Viết xóa                                           |  |  | 38   | - |  |
| 7                            | Viết bảng                                          |  |  | 70   | - |  |
| 8                            | Viết dầu                                           |  |  | 70   | - |  |
| 9                            | Viết dầu loại kim 2 đầu                            |  |  | 29   | - |  |
| 10                           | Viết dạ quang                                      |  |  | 45   | - |  |
| 11                           | Tập 100                                            |  |  | 77   | - |  |
| 12                           | Tập 200                                            |  |  | 15   | - |  |
| 13                           | Tập A4                                             |  |  | 22   | - |  |
| 14                           | Sổ biên bản                                        |  |  | 60   | - |  |
| 15                           | Sơ mi lá                                           |  |  | 365  | - |  |
| 16                           | Sơ mi nút                                          |  |  | 787  | - |  |
| 17                           | Sơ mi dây                                          |  |  | 290  | - |  |
| 18                           | Sơ mi mũ có dây                                    |  |  | 92   | - |  |
| 19                           | Sơ mi hộp lưu trữ                                  |  |  | 110  | - |  |
| 20                           | Sổ lưu kiếng                                       |  |  | 04   | - |  |
| 21                           | Bìa trình ký                                       |  |  | 02   | - |  |
| 22                           | Bàn bấm lớn                                        |  |  | 04   | - |  |
| 23                           | Bàn bấm nhỏ                                        |  |  | 48   | - |  |
| 24                           | Bàn bấm bệnh án dài                                |  |  | 01   | - |  |
| 25                           | Băng keo trong dày                                 |  |  | 54   | - |  |

|                  |                       |  |           |          |  |
|------------------|-----------------------|--|-----------|----------|--|
| 26               | Băng keo gân          |  | 84        | -        |  |
| 27               | Băng keo dán thùng    |  | 24        | -        |  |
| 28               | Băng keo giấy (2 mặt) |  | 12        | -        |  |
| 29               | Ghim nhỏ No 10        |  | 294       | -        |  |
| 30               | Ghim lớn No 3         |  | 36        | -        |  |
| 31               | Ghim lớn đại          |  | 09        | -        |  |
| 32               | Ghim giấy inox        |  | 142       | -        |  |
| 33               | Gỡ ghim               |  | 06        | -        |  |
| 34               | Dcal ghi chú          |  | 179       | -        |  |
| 35               | Echo số 15            |  | 226       | -        |  |
| 36               | Echo số 19            |  | 145       | -        |  |
| 37               | Echo số 32            |  | 61        | -        |  |
| 38               | Echo số 41            |  | 37        | -        |  |
| 39               | Echo số 51            |  | 90        | -        |  |
| 40               | Thước                 |  | 18        | -        |  |
| 41               | Kéo tốt               |  | 31        | -        |  |
| 42               | Hồ dán                |  | 727       | -        |  |
| 43               | Giấy note 5 màu       |  | 15        | -        |  |
| 44               | Dao rọc giấy          |  | 06        | -        |  |
| 45               | Giấy than             |  | 02        | -        |  |
| 46               | Máy tính casio        |  | 10        | -        |  |
| 47               | Tăm bông              |  | 01        | -        |  |
| 48               | Mực đỏ                |  | 29        | -        |  |
| 49               | Mực xanh              |  | 13        | -        |  |
| 50               | Kệ 3 ngăn             |  | 03        | -        |  |
| 51               | Kệ 5 ngăn             |  | 02        | -        |  |
| 52               | Cục gồm bôi           |  | 02        | -        |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                       |  | <b>00</b> | <b>-</b> |  |

